CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim

Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim, có hiệu lực kể từ ngày 9 tháng 8 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Điện ảnh,[1]

---

[1] Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện ảnh,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.

2. Các loại biểu mẫu sau đây:

a) Phiếu đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim;

b) Phiếu thẩm định phim;

c) Biên bản thẩm định phim;

d) Giấy phép phổ biến phim;

đ) Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim;

e) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ phổ biến phim.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quy chế duyệt phim ban hành kèm theo Quyết định số 2455/QĐ-ĐA ngày 09 tháng 8 năm 1997 và Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng duyệt phim cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2332/QĐ-ĐA ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Bộ Văn hoá - Thông tin.[2]

Điều 3. Cục trưởng Cục Điện ảnh, Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ [3]

---

[2] Điều 2 của Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016".

[3] Điều 3 của Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện ảnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

QUY CHẾ
Thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL)
ngày 09 tháng 7 năm 2008)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.

Chương II
THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Điều 3. Cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cấp và thu hồi giấy phép phổ biến phim đối với các loại phim quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh (sau đây gọi là Nghị định số 96/2007/NĐ-CP).

Điều 4. Cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cục Điện ảnh là cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền:

1. Cấp giấy phép phổ biến phim theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Nghị định số 96/2007/NĐ-CP.

2. Thu hồi giấy phép phổ biến phim theo quy định tại khoản 2, Điều 38 của Luật Điện ảnh.

3. Không cho phép phổ biến phim, cấm phổ biến phim theo quy định tại khoản 2, Điều 50 và khoản 2, Điều 51 của Luật Điện ảnh.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim

1. Cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim có trách nhiệm tổ chức việc thẩm định phim, bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của Hội đồng thẩm định phim (sau đây gọi là Hội đồng) theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và cử cán bộ làm thư ký Hội đồng.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình thẩm định, cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim có trách nhiệm cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH PHIM

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Hội đồng

1. Hội đồng thực hiện chức năng tư vấn cho cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim, nhiệm kỳ hoạt động hai năm.

2. Hội đồng có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên, bao gồm:

a) Đại diện người đứng đầu cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim;

b) Đạo diễn, biên kịch, lý luận phê bình điện ảnh và các chức danh khác.

3. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng sau khi thống nhất với người đứng đầu cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim có thể mời thêm một số chuyên gia để tham khảo ý kiến.

Điều 7. Hội đồng thẩm định phim cấp tỉnh

1. Hội đồng thẩm định phim cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định số 96/2007/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập một hoặc hai Hội đồng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 8 Quy chế này.

Điều 8. Hội đồng thẩm định phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hội đồng thẩm định phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập, gồm có:

1. Hội đồng thẩm định phim truyện, có ít nhất chín thành viên.

2. Hội đồng thẩm định phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình có ít nhất bảy thành viên.

3. Hội đồng thẩm định băng hình, đĩa hình nhập khẩu phía nam tại thành phố Hồ Chí Minh có ít nhất bảy thành viên.

Điều 9. Nguyên tắc và phương thức làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận dân chủ để đánh giá và xếp loại phim.

2. Buổi thẩm định phim của Hội đồng phải có trên 1/2 tổng số thành viên tham dự. Kết luận của Hội đồng phải được trên 2/3 số thành viên có mặt tán thành.

3. Hội đồng làm việc khi có yêu cầu xin cấp giấy phép phổ biến phim của cơ sở điện ảnh; mỗi năm họp để đánh giá hoạt động, rút kinh nghiệm ít nhất một lần.

4. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền) chủ trì các buổi thẩm định phim của Hội đồng.

5. Thành viên có quyền và trách nhiệm xem phim, đóng góp ý kiến nhận xét, đánh giá của mình bằng văn bản đối với bộ phim được thẩm định.

6. Ý kiến thảo luận và Phiếu thẩm định của thành viên phải được ghi chép và tổng hợp trong biên bản thẩm định để làm cơ sở trình người đứng đầu cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim.

7. Đối với băng hình, đĩa hình nhiều tập, Hội đồng có thể không tập trung thẩm định phim nhưng thành viên hội đồng có trách nhiệm:

a) Xem và đóng góp ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Bảo đảm thời gian thẩm định phim trong thời hạn bảy ngày cho bộ phim có độ dài dưới 20 tập (45'/tập), mười ngày cho bộ phim có độ dài từ 21 đến dưới 30 tập và mười lăm ngày cho bộ phim có độ dài từ 31 tập trở lên.

8. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi thẩm định phim, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng.

9. Thành viên Hội đồng không được công bố nội dung thảo luận và ý kiến kết luận của Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng là người phát ngôn của Hội đồng.

10. Thành viên Hội đồng vắng mặt không có lý do chính đáng quá ba buổi thẩm định phim liên tiếp, cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim đề nghị cấp có thẩm quyền miễn nhiệm và bổ sung người thay thế.

Điều 10. Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại phim

1. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nhận xét, đánh giá từng phim được thẩm định theo các hình thức như sau:

a) Cho phép phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng khán giả đối với phim có nội dung không vi phạm các điều cấm theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và xếp loại từ bậc I trở lên;

b) Cho phép phổ biến với điều kiện phải lược cắt một hay nhiều cảnh; phải sửa chữa lời thoại nếu hình ảnh, lời thoại này vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Điện ảnh và Điều 9 Nghị định số 96/2007/NĐ-CP;

c) Cho phép phổ biến phim với điều kiện cấm phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 13 tuổi (C13), dưới 16 tuổi (C16) hoặc dưới 18 tuổi (C18) nếu bộ phim có nội dung không phù hợp cho sự phát triển tâm lý, sinh lý hoặc ảnh hưởng tới sự hình thành nhân cách ở từng lứa tuổi. Việc phân loại phim để phổ biến theo lứa tuổi dựa vào các tiêu chí tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;[4]

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định

d) Cho phép lưu hành nội bộ đối với phim quy định tại khoản 6, 7 Điều 30 của Luật Điện ảnh;

đ) Cấm phổ biến đối với phim: có nội dung vi phạm điều cấm theo quy định của pháp luật mà không sửa chữa được;

e) Không cho phép phổ biến đối với phim dưới 5 điểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Nếu thành viên Hội đồng đồng ý cho phép phổ biến thì xếp bậc và cho điểm theo tiêu chuẩn sau:

a) Bậc I là phim có chất lượng xếp loại trung bình (cho các điểm 5; 5,5; 6,0; 6,5) bao gồm tiêu chuẩn: có nội dung tư tưởng tốt; nghệ thuật thể hiện trung bình, tính hấp dẫn chưa cao, hình ảnh, âm thanh chưa phát huy được hiệu quả;

b) Bậc II là phim có chất lượng xếp loại khá (cho các điểm 7,0; 7,5; 8,0; 8,5) bao gồm tiêu chuẩn: có nội dung tư tưởng tốt, có ý nghĩa nhân văn, có tính phổ cập; nghệ thuật thể hiện hấp dẫn, có tìm tòi về ngôn ngữ điện ảnh, hình ảnh, âm thanh trung thực sinh động;

c) Bậc III là phim có chất lượng xếp loại xuất sắc (cho các điểm 9,0; 9,5; 10) bao gồm tiêu chuẩn: có nội dung tư tưởng tốt, có ý nghĩa nhân văn, sâu sắc, sáng tạo, có tính phổ cập cao; nghệ thuật thể hiện hấp dẫn, có nhiều tìm tòi độc đáo về ngôn ngữ điện ảnh, hình ảnh đẹp, có nhiều sáng tạo, độc đáo, âm thanh đạt hiệu quả cao;

d) Điểm của thành viên chênh lệch quá 2,0 điểm so với điểm trung bình của các thành viên Hội đồng thì không được tính.

3. Nếu bộ phim bị đề nghị cấm phổ biến, hoặc không cho phép phổ biến thành viên cho các điểm dưới 5.

4. Bộ phim vẫn được thành viên xếp loại, đề nghị cấp phép phổ biến với các điều kiện: cắt cảnh hoặc sửa lời thoại; cấm trẻ em dưới 16 tuổi; lưu hành nội bộ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

5. Xếp loại phim căn cứ điểm trung bình của các thành viên Hội đồng:

a) Phim xếp loại bậc I có điểm trung bình từ 5 điểm đến 6,5 điểm;

b) Phim xếp loại bậc II có điểm trung bình từ 6,6 điểm đến 8,5 điểm;

c) Phim xếp loại bậc III có điểm trung bình từ 8,6 điểm đến 10 điểm.

6. Việc xếp loại phim theo khoản 5 Điều này chỉ áp dụng đối với phim Việt Nam và là căn cứ để chi trả nhuận bút cho tác giả theo quy định tại điểm 3.1, khoản 3, mục II, phần B, Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Bộ Văn hoá-Thông tin và Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng Quỹ nhuận bút đối với một số

---

và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ.

Chương IV

LỆ PHÍ VÀ THÙ LAO THẨM ĐỊNH PHIM

Điều 11. Lệ phí thẩm định phim

Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phổ biến phim nộp lệ phí theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Thù lao thẩm định phim

Thành viên tham gia thẩm định phim được hưởng thù lao theo chế độ hiện hành.

Chương V

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 13. Khiếu nại

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có quyền khiếu nại nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

2. Văn bản khiếu nại phải nêu rõ lý do không đồng ý quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

Điều 14. Giải quyết khiếu nại

Cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phổ biến phim theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU DỊCH

Số: 5349/VBHN-BVHTTDL

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

Phụ lục
TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI PHIM ĐỂ PHỔ BIẾN THEO LỨA TUỔI[5]

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Bảng tiêu chí phân loại, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *"Diễn ra thường xuyên"* là những hình ảnh, ngôn ngữ, âm thanh tương tự xuất hiện nhiều lần trong một phim.

2. *"Hoạt động tình dục"* là hành động, âm thanh, lời nói, cử chỉ khêu gợi, kích thích được thể hiện trong phim nhằm thoả mãn nhu cầu tình dục.

3. *"Miêu tả chi tiết"* là mức độ sử dụng hình ảnh, âm thanh rõ nét, trực diện, chi tiết ở khoảng cách gần để miêu tả về người, cảnh, hành động trong phim.

4. *"Ngôn ngữ, âm thanh và hình ảnh thô tục"* là những lời thoại, chữ viết, âm thanh, hình ảnh sử dụng trong phim thể hiện sự tục tĩu, phản cảm, thiếu văn hóa.

5. *"Thời lượng kéo dài"* là khoảng thời gian mà hình ảnh, ngôn ngữ, âm thanh thể hiện trong phim nhiều hơn mức cần thiết.

II. BẢNG TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI

STT	Loại phim	Tiêu chí phân loại
1	**P** ***Phim được phép phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng***	***a) Chủ đề, nội dung*** - Chủ đề của phim phù hợp với khán giả ở mọi lứa tuổi; - Nội dung phim phản ánh những vấn đề của tự nhiên và xã hội mang tính giải trí, giáo dục, khuyến khích những giá trị đạo đức và quan hệ xã hội tích cực. ***b) Bạo lực*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh uy hiếp, đe dọa người khác, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó được thể hiện ở mức độ nhẹ và phù hợp với nội dung phim. ***c) Khỏa thân, tình dục*** *- Khỏa thân*

[5] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

		Không chấp nhận các hình ảnh khỏa thân, trừ trường hợp hình ảnh khỏa thân phần trên của nam giới, khỏa thân phần trên phía sau của nữ giới không liên quan đến tình dục, không có các hình xăm phản cảm. *- Tình dục* Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện hoạt động tình dục. ***d) Ma túy, các chất kích thích, gây nghiện*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện việc sử dụng ma túy và các chất kích thích, gây nghiện. Đối với việc sử dụng thuốc lá trong phim thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hạn chế sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh. ***đ) Kinh dị*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh kinh dị, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó được thể hiện ở mức độ nhẹ, không gây tác động, ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của trẻ em. ***e) Hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thô tục*** Không chấp nhận việc sử dụng hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thô tục.
2	**C13** ***Phim cấm phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 13.***	***a) Chủ đề, nội dung*** - Chủ đề của phim không phù hợp với khán giả ở lứa tuổi dưới 13; - Nội dung phim phản ánh những vấn đề khiến nhận thức, cảm xúc của khán giả ở lứa tuổi dưới 13 bị lệch lạc, tâm lý bị xáo trộn hoặc rơi vào tình trạng lo sợ, bi quan, buồn chán. ***b) Bạo lực*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện hành động bạo lực như gây ra đau đớn, thương tích được miêu tả chi tiết, căng thẳng, thời lượng kéo dài, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó được thể hiện ở mức độ vừa phải và phù hợp với nội dung phim. ***c) Khỏa thân, tình dục***

		- Khỏa thân Không chấp nhận hình ảnh khỏa thân, trừ các trường hợp sau: hình ảnh khỏa thân không trực diện phía trước, phía sau của phụ nữ không liên quan đến tình dục; hình ảnh khỏa thân phần trên phía trước của phụ nữ không liên quan đến tình dục hoặc trong các phim khoa giáo, phim liên quan đến y tế, chăm sóc sức khỏe, cách sống của thổ dân, dân tộc thiểu số. *- Tình dục* Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh hoạt động tình dục. ***d) Ma túy, các chất kích thích, gây nghiện*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện việc sử dụng ma túy và các chất kích thích, gây nghiện, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ được thể hiện nhằm mục đích lên án, phản đối những hành vi đó nhưng không miêu tả chi tiết, không diễn ra thường xuyên, không có thời lượng kéo dài. Đối với việc sử dụng thuốc lá trong phim thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hạn chế sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh. ***đ) Kinh dị*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh kinh dị gây sợ hãi được miêu tả chi tiết, diễn ra thường xuyên, có thời lượng kéo dài. ***e) Hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thô tục*** Không chấp nhận việc sử dụng hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thô tục.
3	**C16** ***Phim cấm phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 16.***	***a) Chủ đề, nội dung*** - Chủ đề của phim không phù hợp với khán giả ở lứa tuổi dưới 16; - Nội dung phim phản ánh sâu hơn những vấn đề của người trưởng thành, như các vấn đề liên quan đến chính trị, xã hội, tâm lý, tội phạm nhưng không phù hợp với nhận thức, tâm lý, sinh lý của khán giả dưới 16 tuổi. ***b) Bạo lực***

		Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện hành động bạo lực như giết người, gây đau đớn, thương tích, chảy máu diễn ra thường xuyên, có thời lượng kéo dài, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó phù hợp với nội dung phim và ở mức độ căng thẳng vừa phải. ***c) Khỏa thân, tình dục*** *- Khỏa thân* Không chấp nhận các hình ảnh khỏa thân được miêu tả chi tiết, diễn ra thường xuyên và thời lượng kéo dài, trừ các trường hợp sau: khỏa thân phía sau của nam và nữ, khỏa thân phần trên phía trước của nữ không liên quan đến tình dục, không có hình xăm phản cảm. *- Tình dục* Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện hoạt động tình dục, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó phù hợp với nội dung phim nhưng không miêu tả chi tiết, không diễn ra thường xuyên, không có thời lượng kéo dài. ***d) Ma túy, các chất kích thích, gây nghiện*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện việc buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy và các chất kích thích, gây nghiện, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó phù hợp với nội dung phim nhằm mục đích phản đối, lên án những hành vi nêu trên nhưng không miêu tả chi tiết, không diễn ra thường xuyên, không có thời lượng kéo dài. Đối với việc sử dụng thuốc lá trong phim thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hạn chế sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh. ***đ) Kinh dị*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh kinh dị, rùng rợn, gây sợ hãi, căng thẳng được miêu tả chi tiết, diễn ra thường xuyên, có thời lượng kéo dài, trừ trường hợp những hình ảnh, âm thanh và ngôn ngữ đó cần thiết cho nội dung phim và phù hợp với lứa tuổi. ***e) Ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh thô tục***

		Không chấp nhận việc sử dụng ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh thô tục, trừ trường hợp sử dụng một số từ chửi thề, tiếng lóng của các nhân vật phản diện phù hợp với nội dung phim nhưng không tục tĩu, không làm tổn thương đến cá nhân và cộng đồng, không sử dụng thường xuyên, không sử dụng ngôn ngữ để quấy rối, lạm dụng tình dục.
4	**C18** ***Phim cấm phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 18.***	***a) Chủ đề*** - Chủ đề của phim không phù hợp với khán giả ở lứa tuổi dưới 18; - Nội dung phim phản ánh những vấn đề của người trưởng thành, như các vấn đề liên quan đến chính trị, xã hội, tâm lý, tội phạm tình dục nhưng không phù hợp với nhận thức, tâm lý, sinh lý của khán giả dưới 18 tuổi. ***b) Bạo lực*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ tả thực cảnh bạo lực gây tác động mạnh cho người xem, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó phù hợp với nội dung phim và không khai thác sâu. ***c) Khỏa thân, tình dục*** *- Khỏa thân* Không chấp nhận hình ảnh khỏa thân toàn phần, trừ trường hợp hình ảnh khỏa thân toàn phần đó phù hợp với nội dung phim, không miêu tả chi tiết các bộ phận sinh dục, không có hình xăm phản cảm, không có thời lượng kéo dài. *- Tình dục* Không chấp nhận các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện lộ liễu, miêu tả chi tiết hoạt động tình dục, trừ các trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ đó phù hợp với nội dung phim, không có thời lượng kéo dài. ***d) Ma túy, các chất kích thích, gây nghiện*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện việc buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy và các chất kích thích, gây nghiện, trừ trường hợp hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ phù hợp với nội dung phim hoặc nhằm mục đích phản đối, lên án những hành vi nêu trên nhưng không miêu tả chi tiết, không có thời lượng kéo dài. Đối với việc sử dụng thuốc lá trong phim thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BVHTTDL ngày

		14 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hạn chế sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh. ***đ) Kinh dị*** Không chấp nhận hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ thể hiện cảnh kinh dị, rùng rợn, gây sợ hãi, căng thẳng được miêu tả chi tiết, diễn ra thường xuyên, có thời lượng kéo dài trừ trường hợp những hình ảnh, âm thanh và ngôn ngữ đó cần thiết cho nội dung phim và phù hợp với lứa tuổi. ***e) Ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh thô tục*** Không chấp nhận việc sử dụng ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh thô tục trừ một số từ chửi thề, tiếng lóng trong lời thoại, chữ viết thể hiện ở mức độ mạnh hơn so với phim được phân loại ở mức C16.

MẪU SỐ 01/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định phim

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Kính gửi: (Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

Bộ phim:

Tên gốc (đối với phim nước ngoài):

Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):

Độ dài (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Tóm tắt nội dung:

GIÁM ĐỐC

Ký tên và đóng dấu

MẪU SỐ 02/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Hội đồng thẩm định phim
(Trung ương hoặc tỉnh, thành phố)

PHIẾU THẨM ĐỊNH PHIM

Họ và tên thành viên Hội đồng:

Tên bộ phim thẩm định:

Tên gốc:

Nước sản xuất:

Độ dài (tính bằng phút):

Đạo diễn:

Do cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định:

1. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH:

2. CHẤM ĐIỂM (đối với phim Việt Nam):

3. ĐỀ NGHỊ: (cho phép phổ biến, cấm phổ biến, phạm vi phổ biến, giới hạn tuổi, cần phải sửa chữa)

Ngày tháng năm

Ký tên

MẪU SỐ 03/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Hội đồng thẩm định phim **Trung ương hoặc tỉnh, thành phố**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH PHIM

(lần thẩm định....)

Ngày tháng năm

Họ và tên thành viên có mặt:

Tên phim:
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):
Hãng sản xuất hoặc phát hành:
Nước sản xuất: Năm sản xuất:
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):
Biên kịch:
Đạo diễn:
Quay phim:
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):
Độ dài (tính bằng phút):
Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:
Chủ sở hữu bản quyền:
Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG:

Số người đồng ý cho phép phổ biến:

Xếp bậc (đối với phim Việt Nam):

Số người đồng ý cho phép với giới hạn độ tuổi, giới hạn phạm vi phổ biến hoặc phải cắt sửa (nếu có):

Số người không đồng ý cho phép phổ biến:

Người tổng hợp ý kiến	**Chủ tịch Hội đồng**
Ký tên	*Ký tên*

MẪU SỐ 04/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản **Tên cơ quan cấp giấy phép**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GPPBP	....., *ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

(CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP)

Căn cứ Quyết định số..... ngày tháng năm của (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)*... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2008;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày... tháng.... năm... và đề nghị của (Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

Bộ phim:
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):
Hãng sản xuất hoặc phát hành:
Nước sản xuất: Năm sản xuất:
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):
Biên kịch:
Đạo diễn:
Quay phim:
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):
Độ dài (tính bằng phút):
Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:
Chủ sở hữu bản quyền:
Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

Chủ đề tư tưởng:

Phạm vi được phép phổ biến:
Giấy phép này được giao cho cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định 3 bản và lưu tại cơ quan cấp giấy phép 1 bản.

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP
Ký tên, đóng dấu

MẪU SỐ 05/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản **Tên cơ quan ký quyết định**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ	....., *ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

KHÔNG CHO PHÉP PHỔ BIẾN PHIM HOẶC CẤM PHỔ BIẾN PHIM

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Quyết định số..... ngày tháng năm của (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố*)... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày... tháng.... năm... và đề nghị của (Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.
Không cho phép (hoặc cấm phổ biến) bộ phim:
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):
Hãng sản xuất hoặc phát hành:
Nước sản xuất: Năm sản xuất:
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):
Biên kịch:
Đạo diễn:
Quay phim:
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):
Độ dài (tính bằng phút):
Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:
Chủ sở hữu bản quyền:
Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:
Lý do:

Điều 2. Kể từ ngày ký quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận - Như Điều 2, Điều 3 - Lưu tại cơ quan ra quyết định	**CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ** Ký tên và đóng dấu

MẪU SỐ 06/PBP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản **Tên cơ quan ký quyết định**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ	....., *ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
TẠM ĐÌNH CHỈ PHỔ BIẾN PHIM
HOẶC ĐÌNH CHỈ PHỔ BIẾN PHIM

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Quyết định số..... ngày tháng năm của (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)*... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày....tháng.... năm...và đề nghị của (Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.
Tạm đình chỉ (hoặc đình chỉ) phổ biến bộ phim:
Tên gốc (đối với phim nước ngoài):
Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):
Hãng sản xuất hoặc phát hành:
Nước sản xuất: Năm sản xuất:
Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):
Biên kịch:
Đạo diễn:
Quay phim:
Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):
Độ dài (tính bằng phút):
Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:
Chủ sở hữu bản quyền:
Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:
Lý do:

Điều 2. Kể từ ngày ký quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ
Ký tên và đóng dấu

Nơi nhận
- Như Điều 2, Điều 3
- Lưu tại cơ quan ra quyết định

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng